

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23/4/2018.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Thống và ông Hoàng Văn Mầm,

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Cán bộ
Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Không tham gia
phiên tòa.

Ngày 23/4/2018, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2018 về
việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
53/2018/QĐXX – HNGĐ ngày 06/4/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Phạm Duy Đ – Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết P – Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn ông Phạm Duy Đ trình bày:**

Tôi và cô Nguyễn Thị Tuyết P chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng
không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu chúng tôi rất hạnh phúc,
sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính nhau,
cuộc sống hàng ngày thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải
nhưng không thành nên đã ly thân 2 năm nay. Nay tôi thấy tình cảm giữa tôi và bà
P không còn nữa, nguyện vọng của tôi là yêu cầu tòa án không công nhận tôi và bà
P là vợ chồng, để hai người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chúng tôi có 1 con chung là cháu Phạm Thế P, sinh năm 1992. Cháu P đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày:**

Quá trình chung sống, con chung và chúng tôi không có đăng ký kết hôn như ông Đ trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian đầu vợ chồng chúng tôi sống chung rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân là hai vợ chồng không hợp tính nhau, hay xảy ra cãi vã, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay tôi thấy cả 2 người không còn tình cảm và sự tôn trọng nhau, nên tôi đồng ý với yêu cầu của ông Đ, đề nghị tòa án không công nhận tôi và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là Phạm Thế P, sinh năm 1992 đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phạm Duy Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết P chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sống chung, ông bà sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản theo ông Đ là giữa hai người có hai quan điểm sống khác nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc. Bà P thì cho rằng, trong thời gian vợ chồng sống chung vợ chồng bất hòa, không hợp tính ông Đ có người tình khác và sống với nhau như vợ chồng từ 02 năm nay. Hai người cố gắng hòa giải nhưng không khắc phục được nên cả hai ông bà mong muốn xin được chia tay để giải thoát cho nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài cuộc sống chung thì không mang lại hạnh phúc cho cả hai người.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi ông Đ và bà P chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: *“Quá trình sống chung, ông Đ và bà P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay đánh đập chửi bới lẫn nhau. Chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng”*.

Tuy nhiên, xét thấy cho đến thời điểm hiện nay ông Đ và bà P vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không thể giải quyết cho hai người theo các quy định về ly hôn được, mà cần áp dụng Điều 14 luật Hôn Nhân và gia đình 2014, tuyên bố không công nhận ông Đ và bà P là vợ chồng, để hai người được chấm dứt việc sống chung.

[3]Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông Phạm Duy Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết P có một con chung tên là: Phạm Thế P, sinh năm 1992. Hiện tại cháu Phong đã đủ tuổi trưởng thành, nên không cần đặt ra để giải quyết.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí HN & GD sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Duy Đ.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Duy Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết P là vợ chồng.

-Về con chung: Trong quá trình sống chung ông Phạm Duy Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết P có một con chung tên là: Phạm Thế P, sinh năm 1992. Hiện tại cháu P đã đủ tuổi trưởng thành, nên không cần đặt ra để giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-*Về án phí:* Ông Phạm Duy Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/ 0003362 ngày 16/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

-*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự (để thi hành).
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột.
- Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thành